

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02- 2021

*V/v: Yêu cầu không công nhận là vợ
chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 239/2020/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về yêu cầu không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Số nhà 53, đường 11, tổ 12, phường Tr, thành phố T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Đào Quang V**, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Số nhà 53, đường 11, tổ 12, phường Tr, thành phố T, tỉnh T.

(Chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày: Chị và anh Đào Quang V tự nguyện sống chung với nhau từ ngày 11/11/1995 tại thị trấn D, huyện Th, tỉnh T, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, khi đó chị là giáo viên trường tiểu học xã Th, huyện Th, anh V công

tác tại huyện Ủy, huyện Th, tỉnh T. Năm 1998, anh V chuyển công tác tại thị Ủy, thị xã T, năm 2000 chị N chuyển về trường tiểu học Q, thị xã T, vợ chồng chung sống tại số nhà 53, đường 11, tổ 12, phường Tr, thành phố T, tỉnh T đến nay chị và V chưa đăng ký kết hôn. Chị N và anh V sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày dẫn đến tình cảm phai nhạt dần, mâu thuẫn kéo dài hai bên không tự dàn xếp được, hiện chị và anh V đã sống ly thân. Nay chị N xác định mâu thuẫn giữa chị và anh V đã trầm trọng, không còn tình cảm và không tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị N yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đào Quang V là vợ chồng.

Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung là Đào Ngân H, sinh ngày 15/06/1996 (hiện đã trưởng thành, đã đi xây dựng gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và con Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004 hiện đang học lớp 11 trường cao đẳng nghề Tr, H. Chị và anh V thỏa thuận, anh V trực tiếp nuôi con Đào Tuấn Q, anh V không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

Về tài sản: Chị và anh Đào Quang V thỏa thuận tự phân chia giải quyết tài sản chung với nhau, không có vay nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 07/01/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đào Quang V trình bày: Anh V và chị N tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau từ năm 1995 tại thị trấn D, huyện Th, tỉnh T nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Năm 1999 anh chuyển công tác, năm 2000 chị N chuyển công tác cùng về thị xã Thái Bình và chung sống tại số nhà 53, đường 11, tổ 12, phường Tr, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 10 năm, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn như chị N trình bày là đúng. Nay chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài không còn tình cảm nên anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung như chị N trình bày là đúng. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004 và không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Đối với con Đào Ngân H, sinh ngày 15/6/1996 đã trưởng thành, phát triển bình thường và đã xây dựng gia đình riêng nên không đặt ra giải quyết. Hiện lương hưu trí hàng tháng của anh là 8.500.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản: Anh và chị N thỏa thuận tự phân chia tài sản chung với nhau, hiện không có vay nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh ngày 29/01/2021, ông Đoàn Quang T là tổ trưởng tổ dân phố số 12, phường Tr, thành phố T cung cấp: Từ năm 2003 đến nay ông Đào Quang V và bà Đặng Thị N về xây nhà sinh sống tại tổ 12, phường Tr, thành phố T. Tháng 03/2020 ông V được nghỉ hưu theo chế độ, bà N hiện là giáo viên trường tiểu học K, thành phố T. Ông V, bà N kết hôn chung sống từ khi nào địa phương không rõ nhưng có nghe chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể do không phản ánh nên địa phương không nắm bắt được. Về con chung: Ông V, bà N có 02 con chung là Đào Ngân H, sinh ngày 15/6/1996 (đã trưởng thành, lấy chồng xây dựng gia đình riêng và Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004 hiện đang học lớp 11 tại H. được bố mẹ chăm lo cho học hành sinh hoạt ổn định, dịp nghỉ cháu vẫn về nhà bố mẹ. Trường hợp giải quyết ly hôn, ông V đã nghỉ hưu nên có thời gian và điều kiện để chăm sóc cho con chưa thành niên hơn, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của con và đôi bên để giải quyết theo quy định. Về tài sản: Địa phương biết ông V, bà N có 01 ngôi nhà xây dựng từ năm 2003 tại địa chỉ trên và 01 xe ô tô 04 chỗ, ngoài ra còn tài sản gì khác không rõ, không vay nợ chung của ai.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình xử không công nhận chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V là vợ chồng. Về con chung: Căn cứ các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Xử giao con chung là Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004 cho anh Đào Quang V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi: Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V. Về tài sản: Chị N, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016. Nguyên đơn chị Đặng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng nguyên đơn chị Đặng Thị N và bị đơn anh Đào Quang V đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V là vụ án tranh chấp yêu cầu không công nhận

vợ chồng và nuôi con chung. Bị đơn anh Đào Quang V có nơi cư trú tại tổ 12, phường Tr, thành phố T do đó thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã xuất trình, thu thập và các đương sự thừa nhận, thể hiện từ khi 02 người tự nguyện chung sống với nhau đến nay chị N và anh V đều đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện vi phạm thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn kéo dài đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Xét nguyên đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh V là vợ chồng phù hợp với ý kiến của bị đơn anh Đào Quang V cũng đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị N là vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn yêu cầu không công nhận chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị N và anh V thống nhất có 02 con chung là Đào Ngân H, sinh ngày 15/6/1996 (đã trưởng thành, có gia đình riêng) và Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004. Chị N và anh V thống nhất thỏa thuận về nuôi con chung: Anh V là người trực tiếp nuôi con Đào Tuấn Q đến tuổi trưởng thành, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V. Xét thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và quy định tại các Điều 15, 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

- Về tài sản: Chị N và anh V thống nhất tài sản chung hai bên tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 235; Điều 238; 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên xử không công nhận chị Đặng Thị N và anh Đào Quang V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Đào Tuấn Q, sinh ngày 12/8/2004 cho anh Đào Quang V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh V.

Chị Nhâm có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0000008 ngày 09/12/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đặng Thị N và bị đơn anh Đào Quang V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn